

PHÒNG GD&ĐT.....
TRƯỜNG THCS



§ 2 - C1 – T4

TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN



Giáo viên:.....

B. CHỦ THỨC

**HĐ:
CẶP ĐÔI**



**HĐ:
NHÓM**



**HĐ:
CÁ NHÂN**





Đồng hồ 1



Đồng hồ 2

Hãy đọc các số ghi trên mặt đồng hồ. Cho biết đồng hồ chỉ mấy giờ.



3. Số La Mã

* Cách ghi số La Mã:

Số La Mã	<i>I</i>	<i>V</i>	<i>X</i>
Tương ứng	1	5	10

- Viết *IV* tương ứng 4 ;
- Viết *IX* tương ứng 9
- Viết *XI* tương ứng 11
- Giá trị số La Mã là tổng các thành phần của nó

Ví dụ :

$$XVIII = 10 + 5 + 1 + 1 + 1 + 1 = 18$$

$$XXIV = 10 + 10 + 4 = 24$$

- Các số La Mã từ 1 đến 10 là:

I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

- Các số la mã từ 11 đến 20 là

XI	XII	XIII	XIV	XV	XVI	XVII	XVIII	XIX	XX
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

Trò chơi: “Ai nhanh hơn”

Luật chơi:

- + Lớp chia thành 4 đội, mỗi đội cử 2 người chơi
- + Mỗi đội chơi bốc thăm nhận được một phiếu có ghi sẵn các 20 số tự nhiên (≤ 30) sắp xếp ngẫu nhiên.
- + Trong vòng 1 phút người chơi ghi lại số tự nhiên và viết bằng số La Mã của số đó lên bảng.
- + Đội ghi được nhiều số La Mã đúng hơn là đội giành thắng cuộc.



HĐ 4: So sánh

a) 9 998 và 10 000

b) 524 697 và 524 687



$$9\,998 < 10\,000 ;$$

$$524\,697 > 524\,687$$

***Tổng quát:**

- Trong hai số tự nhiên có số chữ số khác nhau: Số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn, số nào có ít chữ số hơn thì nhỏ hơn.
- So sánh hai số tự nhiên có số chữ số bằng nhau ta lần lượt so sánh các chữ số trên cùng một hàng (tính từ trái sang phải) đến khi xuất hiện cặp chữ số đầu tiên khác nhau. Chữ số nào lớn hơn thì số tự nhiên chứa chữ số đó lớn hơn.

Luyện tập 6. So sánh

a) 35 216 098 và
8 935 789



b) 69 098 327 và
69 098 357

a) Số 35 216 098 có 8 chữ số; số 8 935 789 có 7 chữ số.
Vậy $35\ 216\ 098 > 8\ 935\ 789$

b) Do hai số 69 098 327 và 69 098 357 có cùng chữ số, so
sánh từ trái sang phải ta thấy: $2 < 5$.
Vậy $69\ 098\ 327 < 69\ 098\ 357$.



Trò chơi: “Tìm đồng đội”

Luật chơi:

- + Có 10 HS tham gia chơi, chia thành 5 cặp.
- + Mỗi HS nhận được một phiếu có ghi một số tự nhiên rồi dán trước ngực.
- + Hai học sinh trong một cặp sẽ so sánh số nhận được với nhau. Ai có số lớn sẽ chạy về “Số lớn”, ai có số bé sẽ chạy về phía “Số bé” (Mỗi đội được quy định vị trí khác nhau)
- + Đội nào nhận được số lượng đúng, đủ 5 thành viên nhanh hơn đội đó thắng cuộc.

KẾT QUẢ TRÒ CHƠI

Số lớn	Số bé
1 345 538	1 345 482
2 445 893	698 998
354 794	353 445
22 243 892	22 243 882
1 000	999

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ

- Học bài theo SGK và vở ghi.
- Làm bài tập từ 1 đến 5 (SGK trang 30).

Remember.... Safety First!

Thank you!

